

Số: 168 /BC-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 09 năm 2023

BÁO CÁO

Sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 6556/VPCP-KTTH ngày 24/8/2023 của Văn phòng Chính phủ về việc Báo cáo sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII; qua rà soát, tổng hợp, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo, cụ thể như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH HỌC TẬP, QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN NGHỊ QUYẾT VÀ TÌNH HÌNH THỂ CHẾ HÓA NGHỊ QUYẾT

I. Tình hình học tập, quán triệt và tuyên truyền Nghị quyết

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (Nghị quyết số 11-NQ/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các Đảng bộ trực thuộc tỉnh đã có sự chỉ đạo nghiêm túc, chặt chẽ đối với cả hệ thống chính trị trong việc tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai các Nghị quyết nêu trên.

Ngay sau khi Nghị quyết số 11-NQ/TW được ban hành, Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt đối với cán bộ chủ chốt các cấp các ngành và chỉ đạo triển khai học tập, quán triệt cho toàn thể đảng viên của Đảng bộ qua đó có thể nắm vững và thực hiện đúng đắn, sáng tạo Nghị quyết của Đảng, phù hợp với đặc điểm tình hình và điều kiện thực tế của địa phương.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã tổ chức phổ biến và giao nhiệm vụ cho các sở ngành, địa phương triển khai cụ thể Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 03/10/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW (Nghị quyết số 99/NQ-CP) trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và địa bàn của mình. Qua đó, đã củng cố và nâng cao hơn nhận thức của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên một cách đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

II. Công tác lãnh đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW

Trong thời gian qua, HĐND và UBND tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết, quyết định, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án khác nhau. Trong đó, có nhiều nghị quyết, quyết định, kế hoạch liên quan đến doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh nhằm phát triển các thành phần kinh tế, hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần từng bước hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo đúng mục tiêu, yêu cầu nêu ra tại Nghị quyết số 11-NQ/TW và Nghị quyết số 99/NQ-CP, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của từng giai đoạn, từng năm. Các chính sách, chương trình, kế hoạch của tỉnh trong thời gian qua đáp ứng tính đồng bộ, kịp thời, thống nhất với các quy định của Trung ương; bảo đảm phù hợp với tính chất đặc thù, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương. Cùng với các văn bản quy phạm pháp luật ở Trung ương, các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành đã góp phần tạo nên tính đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong các thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh; thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; thể chế đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế¹.

PHẦN II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. Kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu Nghị quyết số 11-NQ/TW

Trong bối cảnh kinh tế trong nước ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm cao. Đối với tỉnh: Kinh tế tiếp tục tăng trưởng; nhiều chính sách của tỉnh ban hành phát huy hiệu quả; một số công trình trọng điểm của tỉnh đã hoàn thành, đưa vào sử dụng góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, an sinh xã hội được đảm bảo. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, tỉnh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách

¹ Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 13/02/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022; Kế hoạch số 107/KH-UBND 08/6/2023 về cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh năm 2023; Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình; Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 ban hành Kế hoạch thực hiện “Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2748/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 về việc ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023 - 2030.

thức như: xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, nguồn lực đầu tư phát triển còn hạn chế, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn, thiên tai, dịch bệnh liên tiếp xảy ra; đặc biệt là đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của nhân dân, cuộc xung đột Nga - Ucraina là vấn đề bất ngờ lớn thứ hai phát sinh, đã làm chậm quá trình phục hồi của nền kinh tế thế giới, gây đứt gãy chuỗi cung ứng, gia tăng thách thức về an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu, làm sâu sắc, phức tạp thêm vấn đề an ninh truyền thông và phi truyền thông... đã tác động lớn đến tình hình sản xuất, kinh doanh trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam nói chung và Bình Định nói riêng.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW nghiêm túc, kịp thời. Tổ chức quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW, tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành và toàn thể xã hội trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước trong xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để sở, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo tiền đề vững chắc cho việc xây dựng thành công và vận hành đồng bộ, thông suốt nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; góp phần huy động và phân bổ, sử dụng có hiệu quả nhất mọi nguồn lực để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển. Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo đúng lộ trình, hoạt động có hiệu quả. Kinh tế tư nhân, hộ gia đình phát triển khá và chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế. Kinh tế hợp tác tiếp tục được đổi mới về mô thức tổ chức và quản lý; chất lượng, hiệu quả hoạt động được nâng lên. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được chú trọng.

II. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

Tiếp tục quán triệt nguyên tắc “Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”, HĐND tỉnh đã thông qua Danh mục các công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục các công trình, dự án có sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa, dưới 20 ha đất rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh hàng năm; tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021 - 2025) tỉnh Bình Định; UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất các huyện, thị xã, thành phố thời kỳ 2021 – 2030, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện để làm căn cứ thực hiện các thủ tục về đất đai (bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,...) theo quy định của

Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tỉnh đã ban hành Kế hoạch hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; trong đó, xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc tham gia tổ chức, thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

Thu hẹp những lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, dỡ bỏ tất cả các rào cản không cần thiết để tạo được làn sóng kinh doanh mới, giảm tối đa thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với lĩnh vực đầu tư có điều kiện, tích cực cải cách hành chính. Tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân đầu tư phát triển, từ chỗ coi nhẹ đã thừa nhận kinh tế tư nhân “là một trong những động lực” và đến nay “là một động lực quan trọng” để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, Nhà nước đã ban hành và lãnh đạo tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp quan trọng về khuyến khích và tạo điều kiện để kinh tế tư nhân phát triển, phương thức quản lý của Nhà nước đối với kinh tế tư nhân ngày càng phù hợp hơn với cơ chế thị trường, các hiệp hội ngành nghề thực hiện ngày càng tốt hơn vai trò cầu nối giữa cộng đồng doanh nhân, doanh nghiệp với các cấp quản lý Nhà nước; giúp doanh nghiệp nắm bắt kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, ứng dụng khoa học - công nghệ và phát triển thị trường.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025² để thúc đẩy sự liên kết, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp toàn tỉnh nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng. Trong năm 2023, từ nguồn ngân sách Trung ương đã phân bổ 01 tỷ đồng thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (*hỗ trợ chuỗi giá trị sản phẩm về gỗ*) trên địa bàn tỉnh.

Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện; chỉ số năng lực cạnh tranh luôn nằm trong nhóm các địa phương có chất lượng điều hành tốt nhất, được các nhà đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao³. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Trong thời gian qua, UBND tỉnh đã rà soát quy trình, ban hành quyết định đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, cắt giảm 07 ngày so với quy định (*từ 32 ngày còn 25 ngày*), góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư đến với tỉnh Bình Định. Trong thời gian đến UBND tỉnh tiếp tục rà soát, minh bạch hóa và rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính từ bước Chấp thuận chủ trương đầu tư đến khi Cấp phép xây dựng thông qua việc xây dựng Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh; theo đó, tổng thời gian

² theo Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh.

³ Năm 2017 đứng thứ 18; năm 2018 đứng thứ 20; năm 2019 đứng thứ 19; năm 2020 đứng thứ 37; năm 2021 đứng thứ 11; năm 2022 đứng thứ 21.

thực hiện các thủ tục nói trên giảm từ 205 xuống còn 149 ngày. Đồng thời, đã thành lập Tổ công tác hỗ trợ và xúc tiến đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh, thành lập Đường dây nóng nhằm kịp thời tiếp nhận, tư vấn, giải đáp những khó khăn vướng mắc cho các nhà đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư tại chỗ và đầu tư mới vào tỉnh. Ngoài ra tỉnh còn tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính; đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện công khai, minh bạch thông tin đi đôi với chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và bộ phận một cửa tại các huyện, thị xã, thành phố.

Các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển. Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo đúng lộ trình, hoạt động có hiệu quả. Kinh tế tư nhân, hộ gia đình phát triển khá và chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế. Giai đoạn 2015 – 2020, có 4.300 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký 33.000 tỷ đồng; nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn lên 7.500 doanh nghiệp, tăng 15% (tổng vốn đăng ký kinh doanh 78.750 tỷ đồng, vốn đăng ký bình quân 10,5 tỷ đồng/doanh nghiệp). Từ 2021 đến nay, số lượng doanh nghiệp thành lập mới đạt 2.785 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký khoảng 29,4 nghìn tỷ đồng⁴, vốn bình quân hơn 10,5 tỷ đồng/doanh nghiệp.

Kinh tế hợp tác tiếp tục được đổi mới về hình thức tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; nhiều hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thu hút ngày càng nhiều lao động và đã trở thành đơn vị kinh tế quan trọng ở địa phương. Toàn tỉnh hiện có 247 hợp tác xã (186 hợp tác xã nông nghiệp, 61 hợp tác xã phi nông nghiệp); các hợp tác xã phi nông nghiệp gồm có: 27 Quỹ Tín dụng nhân dân, 17 hợp tác xã vận tải, 17 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ. Tổng số thành viên của các hợp tác xã khoảng 276.682 thành viên. Doanh thu bình quân của hợp tác xã đạt khoảng 1,66 tỷ đồng/hợp tác xã. Thu nhập bình quân của người lao động ước đạt 4,06 triệu đồng/tháng.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được chú trọng; đã tập trung mở rộng, kết nối hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế theo hướng thiết thực, hiệu quả. Bên cạnh đó, tăng cường công tác rà soát, hoàn thiện cơ chế, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Tuyên truyền quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đến bạn bè trong nước, khu vực và thế giới. Giai đoạn 2015 - 2020, có 30 dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp phép đầu tư, với vốn đăng ký mới là 307,6 triệu USD. Nâng tổng số dự án có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh là 80 dự án, với số vốn đăng ký 709,3 triệu USD. Từ năm 2021 đến nay, toàn tỉnh đã thu hút 06 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 80,91 triệu USD (trong đó có 05 dự án trong KCN, KKT do BQL KKT tỉnh cấp với tổng vốn 80,83 và 01 dự án ngoài KKT, KCN do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp với tổng vốn 0,08 triệu USD). Nâng tổng số dự án có vốn đầu tư FDI trên địa bàn lên 86 dự án với tổng vốn đăng ký trên 1,13 tỷ USD (trong đó 48 dự án ngoài khu kinh tế và khu công nghiệp với tổng vốn đăng ký 245.62 triệu USD và 38 dự án trong khu công nghiệp và khu kinh tế với tổng vốn 892,82 triệu USD. Bên cạnh đó, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi

⁴ Năm 2021 thành lập mới 967 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký khoảng 12,8 nghìn tỷ đồng; Năm 2022 có 1.232 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký hơn 10,6 nghìn tỷ đồng; 06 tháng đầu năm 2023 thành lập mới 586 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký hơn 6 nghìn tỷ đồng

mới sáng tạo, ưu tiên các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp thích ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Thực hiện Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước giai đoạn 2022 – 2025; số lượng các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh như sau:

- Tổng số doanh nghiệp do Nhà nước đang nắm giữ 100% vốn điều lệ trong năm 2023 là 05 doanh nghiệp⁵. Trong đó: Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định và Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định thuộc danh mục doanh nghiệp tiếp tục duy trì công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên giai đoạn 2022-2025; đối với 03 Công ty Lâm nghiệp (Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn và Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh): sẽ được sắp xếp sau khi có quyết định phê duyệt kế hoạch sắp xếp của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổng số doanh nghiệp do Nhà nước đang nắm giữ 51% vốn điều lệ trong năm 2023 là 03 doanh nghiệp⁶. Các doanh nghiệp này được sắp xếp theo hình thức tiếp tục duy trì là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ giai đoạn 2022-2025.

- Tổng số doanh nghiệp do Nhà nước đang nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ trong năm 2023 là 02 doanh nghiệp⁷. Các doanh nghiệp này thuộc danh mục doanh nghiệp thực hiện thoái toàn bộ vốn Nhà nước hoàn thành trong giai đoạn 2024-2025.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 37/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 về ban hành Quy chế về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tỉnh; Công văn số 288/UBND-NC ngày 15/01/2020 về tăng cường thực hiện quy định chống chạy chức, chạy quyền và kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ; Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện “Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

2.2. Hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

Về công tác quản lý giá dịch vụ theo cơ chế thị trường và cam kết quốc tế, thực hiện nhất quán cơ chế quản lý giá theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước thực hiện quản lý, điều hành giá bằng cơ chế, chính sách là chủ yếu, gián tiếp qua thị trường.

⁵ Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định; Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định; Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn và Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh.

⁶ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, Công ty cổ phần Môi trường Bình Định, Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn.

⁷ Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định và Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định.

Ngoài các loại hàng hóa thuộc Danh mục bí mật Nhà nước, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều được tiếp cận giá cả của các loại hàng hóa nguyên liệu, tiêu dùng bình đẳng như nhau theo phương thức “thuận mua, vừa bán”. Đối với các loại hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa thiết yếu cần có sự giám sát của Nhà nước đều phải thực hiện đăng ký giá, kê khai giá theo quy định.

Về thị trường bất động sản, trên địa bàn tỉnh đã lựa chọn nhà đầu tư, đã và đang triển khai 87 dự án với tổng diện tích đất 1.578,83 ha, khoảng 39.823.477 m² sàn, khoảng 100.917 căn hộ/nhà, tổng mức đầu tư khoảng 125.029 tỷ đồng⁸. Hoàn thành đưa vào sử dụng (toàn bộ và một phần dự án) 27 dự án với tổng diện tích đất 323,98 ha, khoảng 950.682 m² sàn, khoảng 7.221 căn/nhà, tổng mức đầu tư khoảng 22.389,14 tỷ đồng⁹.

Về thị trường lao động, cùng với việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm cho người lao động trong tỉnh, công tác tuyên truyền, vận động người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài được quan tâm. Bên cạnh các chính sách của Nhà nước, tỉnh đã ban hành Quyết định số 85/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cho người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Giai đoạn 2017 – 2023, tỉnh đã tổ chức 115 phiên giao dịch việc làm tại sân giao dịch Quy Nhơn, các điểm giao dịch vệ tinh, 210 phiên giao dịch việc làm lưu động, 11 phiên giao dịch việc làm trực tuyến với khoảng 5.385 lượt doanh nghiệp và 10.120 lượt người tham gia. Hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm của tỉnh đã tổ chức tư vấn giới thiệu việc làm cho trên 398.000 lượt người; cung ứng và giới thiệu việc làm cho 22.247 người. Công tác đào tạo nghề nghiệp từng bước được đổi mới, phát triển đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Giai đoạn 2017 – 2023, tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp cho 151.320 người, gồm: trình độ cao đẳng 9.457 người, trình độ trung cấp 8.259 người, trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng 133.604 người. Dự kiến cuối năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh là 62%. Các ngành nghề trọng điểm được Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội phê duyệt trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được quan tâm đầu tư; Liên kết hợp tác trong lĩnh vực đào tạo nghề không ngừng được mở rộng, tăng cường chất lượng đào tạo nghề.

Về thị trường khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất và đời sống đạt được những kết quả tích cực. Đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP của tỉnh năm 2021 là 33,18%; năm 2022 là 41,95%. Tốc độ tăng năng suất lao động năm 2021 là 8,87%; năm 2022 là 10,58%¹⁰. Tốc độ đổi mới công nghệ của tỉnh năm 2021 là 7,5%, năm 2022 là 11,5%¹¹. Hiện nay, số doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh là 96 đơn vị (trong đó

⁸ Nhà ở xã hội là 19 dự án, với tổng diện tích đất 29,63ha, khoảng 694.808m² sàn, khoảng 11.166 căn hộ, tổng mức đầu tư khoảng 10.473 tỷ đồng; nhà ở thương mại là 68 dự án với tổng diện tích đất 1.549,4ha, khoảng 39.128.669m² sàn, khoảng 89.751 căn/nhà, tổng mức đầu tư khoảng 114.555,81 tỷ đồng.

⁹ Nhà ở xã hội 08 dự án (06 dự án và một phần của 02 dự án), với tổng diện tích đất 10,51 ha, khoảng 184.691 m² sàn, khoảng 2.806 căn/nhà, tổng mức đầu tư khoảng 3.619,53 tỷ đồng. Nhà ở chung cư nhà ở thương mại 05 dự án, với tổng diện tích đất 3,11 ha, khoảng 254.874 m² sàn, khoảng 2.362 căn/nhà, tổng mức đầu tư khoảng 3.772,61 tỷ đồng. Khu đô thị, khu dân cư 14 dự án (một phần dự án), với tổng diện tích đất 310,36 ha, khoảng 511.117 m² sàn, khoảng 2.053 căn/nhà, tổng mức đầu tư khoảng 14.997 tỷ đồng.

¹⁰ Mục tiêu cụ thể (2020-2025): 38% - 42%

¹¹ Mục tiêu cụ thể (2020-2025): 17% - 20%

có 12 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần mềm)¹², tổng doanh thu ước đạt 400 tỷ đồng. Hỗ trợ đăng ký mã số mã vạch cho 05 Hợp tác xã; đã có 18 sản phẩm¹³ đặc trưng của các huyện, thị xã, thành phố tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp dưới dạng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có gắn với tên địa danh; tích hợp cơ sở dữ liệu từ sản giao dịch công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh với sản giao dịch công nghệ Bình Định, cập nhật các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến các doanh nghiệp để nắm bắt và áp dụng vào thực tiễn sản xuất kinh doanh, qua đó nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm của doanh nghiệp và đặc biệt chú trọng đẩy mạnh công tác chuyển giao, nhân rộng kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thực hiện xây dựng thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ dựa trên nhu cầu về thực tiễn sản có tại đơn vị. Công tác hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh triển khai nhiều hoạt động cụ thể và sâu rộng, từng bước hình thành được hệ sinh thái khởi nghiệp, làm đòn bẩy đưa phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh phát triển¹⁴.

Đối với lĩnh vực phát triển công nghiệp, trong thời gian qua, nhìn chung ngành sản xuất công nghiệp trong tỉnh vẫn đạt được kết quả tăng trưởng; các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh như: dệt may, bia, sản xuất dăm gỗ, sản xuất và phân phối điện... giữ vững tốc độ tăng trưởng; đồng thời một số dự án đầu tư mới có quy mô và công suất lớn đưa vào hoạt động sản xuất góp phần tăng năng lực sản xuất và duy trì tốc độ tăng trưởng chung của ngành. Về tình hình thu hút đầu tư, sản xuất kinh doanh, theo Quy hoạch phát triển CCN tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt, trên địa bàn tỉnh quy hoạch 60 CCN với tổng diện tích 1.956,2 ha; đến nay, có 53/60 CCN xác định chủ đầu tư với tổng diện tích 1.671,9 ha, tổng vốn đầu tư 5.277,1 tỷ đồng. Trong tổng diện tích 1.956,2 ha của 60 CCN quy hoạch; đến nay diện tích đất đã bồi thường, giải phóng mặt bằng 903,1 ha, trong đó diện tích đất công nghiệp 700,6 ha, diện tích đất công nghiệp đã cho thuê 589 ha, diện tích đất công nghiệp chưa cho thuê 111,6 ha, riêng diện tích đất công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật chưa cho thuê 71,1 ha, phù hợp với mục tiêu đầu tư xây dựng cụm công nghiệp để thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã vào đầu tư sản xuất kinh doanh.

Tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục, phát triển sản xuất, tìm kiếm mở rộng thị trường; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh... Tập trung nguồn lực, tạo điều kiện triển khai thi công hạ tầng kỹ thuật trên diện tích 200/1.000 ha khu công nghiệp Becamex - VSIP Bình Định, đến nay đủ điều kiện để thu hút đầu tư. Tỉnh đã tập trung hợp tác, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu đàn trong lĩnh vực công nghệ thông tin (FPT, TMA) triển khai các dự án đã được phê duyệt. Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp chế biến gỗ, chế biến thực phẩm (*tinh bột sắn, tôm*

¹² Trong 02 năm (2021 - 2022), hình thành mới 04 doanh nghiệp khoa học và công nghệ và hỗ trợ thương mại hóa 05 sản phẩm sáng tạo, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

¹³ Thị xã Hoài Nhơn 03 sản phẩm, huyện Hoài Ân 04 sản phẩm, huyện An Lão 04 sản phẩm, huyện Phù Cát 01 sản phẩm, thành phố Quy Nhơn 02 sản phẩm, Tuy Phước 01 sản phẩm, Tây Sơn 01 sản phẩm, Vĩnh Thạnh 02 sản phẩm.

¹⁴ Sở Khoa học và Công nghệ duy trì tổ chức Cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo định kỳ hàng năm; Đã tổ chức đào tạo, tập huấn về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho hơn 1.300 lượt cá nhân, doanh nhân; Hỗ trợ ươm tạo cho 18 ý tưởng tại các tổ chức ươm tạo trên địa bàn tỉnh; Hình thành mạng lưới các nhà tư vấn khởi nghiệp với 25 nhà tư vấn tham gia và mạng lưới các nhà đầu tư khởi nghiệp với 13 nhà đầu tư tham gia;...

đông lạnh, cá ngừ đại dương...) gắn với sản phẩm lĩnh vực nông lâm, thủy sản; hình thành các cụm sản xuất nông - công nghiệp ở nông thôn gắn với làng nghề, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP... trên địa bàn.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, chú trọng công tác nghiên cứu, khảo nghiệm, tuyển chọn và sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thông qua triển khai thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII về “Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025”. Kết quả đạt được đến nay:

Trồng trọt: đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ cao trong quá trình canh tác lúa; xây dựng và nhân rộng các cánh đồng mẫu lớn; duy trì và phát triển các diện tích cây trồng theo hướng sạch, hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường các mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; xây dựng nhãn hiệu rau “Lá lành”, chứng nhận hữu cơ cho một số sản phẩm “Cam xoàn An Lão”; “Bưởi da xanh Hoài Ân”; “Trà Gò loi Hoài Ân”; “Dừa xiêm Hoài Ân”.

Chăn nuôi: phát triển theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, tập trung phát triển các đối tượng nuôi chủ lực của tỉnh (bò, lợn, gà) theo hướng ứng dụng công nghệ cao, xây dựng và phát triển thương hiệu chăn nuôi¹⁵; Khuyến khích kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi với công nghệ hiện đại, tạo ra sản phẩm xuất khẩu¹⁶.

Khai thác thủy sản: tiếp tục phát triển, được cơ cấu theo hướng phát triển khai thác xa bờ; hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá tiếp tục được đầu tư hoàn thiện; áp dụng công nghệ số, công nghệ tiết kiệm nhiên liệu, công nghệ viễn thám để quản lý, vận hành tàu cá trong khai thác thủy sản; tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm các giải pháp cấp bách khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU)... Sản lượng nuôi trồng thủy sản chưa đạt được yêu cầu theo kế hoạch đề ra; tuy nhiên, đã xây dựng và phát triển vùng nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ cao, và đang kêu gọi đầu tư nuôi biển ứng dụng công nghệ cao đối với đối tượng nuôi tôm hùm, cá biển.

Về lâm nghiệp, quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng trồng, tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035. Tỷ lệ che phủ rừng hiện đạt 56,92%. Công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, xử lý các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp được các cấp, các ngành chỉ đạo triển khai quyết liệt¹⁷.

Đã vận động thành lập mới 19 hợp tác xã, hỗ trợ phát triển 06 hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trên địa bàn tỉnh, đến nay có 17/42 làng nghề, làng

¹⁵ Các nhãn hiệu được công nhận: “Nhãn hiệu lợn Hoài Ân”; “Thịt lợn đen An Lão”, “Bò thịt chất lượng cao Bình Định”, “Gà Minh Dư”, “Nhãn hiệu gà ta thả vườn Hoài Ân”

¹⁶ Trên địa bàn tỉnh có 06 cơ sở giết mổ động vật tập trung đang hoạt động hiệu quả. Kêu gọi đầu tư xây dựng Cơ sở giết mổ động vật tập trung tại thị xã Hoài Nhơn và huyện Hoài Ân; chấp thuận chủ trương đầu

nghe truyền thống được công nhận theo quy định hiện hành. Bên cạnh đó, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đã góp phần phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị. Đến nay, toàn tỉnh đã công nhận 217 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cấp tỉnh (06 sản phẩm đạt hạng tiềm năng 5 sao, 34 sản phẩm đạt hạng 4 sao, 177 sản phẩm đạt hạng 3 sao).

Đối với lĩnh vực thương mại, dịch vụ, du lịch, tài chính, các hoạt động xúc tiến thương mại, khuyến mại, giảm giá được tổ chức thường xuyên. Công tác bình ổn thị trường được quan tâm và tích cực triển khai đã đem lại kết quả tốt, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân và tạo được sự ổn định cho thị trường hàng hoá. Việc xây dựng các trung tâm dịch vụ logistics được chú trọng mời gọi các nhà đầu tư tham gia thực hiện. Trên cơ sở các quy hoạch được duyệt từ năm 2021 đến nay đã mời gọi và chấp thuận chủ trương đối với 03 dự án logistics¹⁸. Trong lĩnh vực du lịch, tỉnh đã tạo điều kiện thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân vào việc đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; đặc biệt thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, uy tín để tạo đột phá trong việc xây dựng các khu du lịch trọng điểm theo quy hoạch phát triển du lịch và huy động nguồn vốn đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng thiết yếu quy mô lớn, cải thiện cơ sở hạ tầng thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến Bình Định. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 416 cơ sở lưu trú; 77 doanh nghiệp lữ hành (17 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và 60 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa). Nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng dân cư ở các địa phương, tỉnh Bình Định đã ban hành Đề án phát triển du lịch cộng đồng khu vực ven biển thành phố Quy Nhơn đến năm 2025; Đề án phát triển du lịch làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh đến năm 2025. Các dịch vụ tín dụng - ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng và đã trở thành một bộ phận không thể thiếu trong xã hội.

2.3. Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với đảm bảo phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

2.3.1. Công tác an sinh xã hội

Trước diễn biến phức tạp và ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 trong thời gian qua, tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện và bố trí nguồn kinh phí kịp thời hỗ trợ cho các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo quy định. Xây dựng phần mềm quản lý chính sách hỗ trợ người dân, người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Đến nay, góp phần hỗ trợ người dân, người lao động khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống¹⁹.

¹⁸ (1) Dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics 4 Quốc lộ 19 mới với tổng diện tích là 4,02 ha; (2) Dự án Khu kho bãi, dịch vụ, logistics 5 Quốc lộ 19 mới với tổng diện tích là 4,02 ha; (3) Khu dịch vụ kho bãi, logistics tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước với tổng diện tích là 2,9 ha.

¹⁹ Đối với chính sách hỗ trợ người dân theo Nghị quyết số 42/NQ-CP, Nghị quyết số 154/NQ-CP của Chính phủ: Đã thực hiện hỗ trợ cho 309.303 đối tượng là người lao động tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, nghỉ việc không hưởng lương, người lao động chấm dứt HĐLĐ, HĐLV nhưng không đủ hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động không có giao kết HĐLĐ bị mất việc làm, Hộ kinh doanh, người có công, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí 386.980 triệu đồng và hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn trả lương ngừng việc cho 16 đơn vị với kinh phí 4.189,655 triệu đồng.

Công tác giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm luôn được các cấp, các ngành và toàn xã hội quan tâm chú trọng. Hệ thống dịch vụ việc làm của tỉnh đã đa dạng hóa các hình thức kết nối cung - cầu lao động, trong đó, tăng cường qua hình thức trực tuyến; tiếp tục đẩy mạnh triển khai hoạt động xuất khẩu lao động vào các thị trường có thu nhập cao, ổn định.

Công tác Bảo trợ xã hội được quan tâm chú trọng, triển khai thực hiện kịp thời chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội, thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững²⁰.

2.3.2. Công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh tiếp tục được tăng cường. Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo vệ môi trường được chú trọng thực hiện thường xuyên, liên tục với sự đa dạng về nội dung, hình thức, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với công tác bảo vệ môi trường. Cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường tại các đô thị, khu, cụm công nghiệp được đầu tư nâng cấp. Đến nay đã có 05/05 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động (khu công nghiệp Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa, Nhơn Hội A, Nhơn Hội B) đều có hệ thống xử lý nước thải và vận hành đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường; thành phố Quy Nhơn đã có 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu (Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình giai đoạn 1 với công suất thiết kế là 14.000 m³/ngày.đêm và Nhà máy xử lý nước thải 2A với công suất thiết kế là 2.350 m³/ngày.đêm); hiện nay đang thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình giai đoạn 2, nâng công suất lên 28.000 m³/ngày.đêm; sau khi nâng công suất sẽ cơ bản đảm ứng khả năng xử lý nước thải sinh hoạt cho khu vực nội thị của thành phố; có 84,5% số xã trên địa bàn tỉnh có đơn vị thu gom rác. 100% nước thải y tế tuyến huyện, tỉnh được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% chất thải nguy hại trong y tế được thu gom và xử lý (bao gồm cả tuyến Trạm y tế và y tế tư nhân); 19% cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Quy hoạch lại các khu xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh; theo đó, phân theo các khu vực: (1) phía Nam tỉnh quy hoạch tại Khu xử lý rác thải Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn (gồm thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện Vân Canh, Tuy Phước, Phù Cát); (2) phía Bắc tỉnh quy hoạch tại phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn (gồm thị xã Hoài Nhơn, huyện An Lão, Hoài Ân, Phù Mỹ); (3) phía Tây tỉnh quy hoạch tại xã Tây Xuân, huyện Tây Sơn (gồm huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh).

2.3.3. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo

Đối với chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động theo Nghị Quyết 68 đã triển khai thực hiện hỗ trợ cho 3.754 đơn vị, 271.152 lao động với số tiền 327.417,974 triệu đồng. Trong đó: đối với 11 chính sách của TW hỗ trợ cho 3.754 đơn vị 159.959 lao động với số tiền 160.628,474 triệu đồng.

Đối với chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và các đối tượng đặc thù khác theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, đã thực hiện chi trả cho 111.193 người, kinh phí trên 166 tỷ đồng. Ngoài ra, ngân sách tỉnh đã bổ sung, ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh 50 tỷ đồng, để cho người lao động vay nhằm chuyển đổi việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Thực hiện Quyết định số 0

Chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn tỉnh ngày càng được củng cố, nâng cao; kết quả phổ cập giáo dục được duy trì vững chắc. Hiện 100% các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh duy trì chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, duy trì vững chắc thành quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; cụ thể: 11/11 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 11/11 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 11/11 huyện thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; 11/11 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tỷ lệ kiên cố hóa trường, lớp học của các cấp học được quan tâm, đầu tư. Việc xây dựng trường chuẩn quốc gia đạt hiệu quả cao, góp phần vào mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Tính đến tháng 6 năm 2023, toàn tỉnh có 415/626 trường chiếm tỷ lệ 66,3%.

Quy mô giáo dục, mạng lưới trường, lớp học mầm non, phổ thông và các cơ sở dạy nghề phát triển phù hợp với phân bố dân cư và địa hình của tỉnh, tạo cơ hội và đáp ứng tốt nhu cầu học tập của con em các dân tộc tỉnh nhà và góp phần thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài. Khoảng cách chênh lệch về chất lượng giáo dục giữa thành thị, nông thôn, vùng khó khăn ngày càng được thu hẹp. Hoạt động của một số trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn có bước phát triển. Công tác xã hội hóa giáo dục đã đạt được những kết quả quan trọng, nhất là huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo phát triển cả về chất và lượng; ngành đã thực hiện công tác bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; trẻ em người đồng bào dân tộc vùng thiểu số được tăng cường tiếng Việt để tạo cơ hội học tập tốt hơn.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của mọi người về mục đích ý nghĩa của học tập suốt đời; công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau Trung học cơ sở tiếp tục được quan tâm. Hoạt động giáo dục nghề nghiệp được coi trọng. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo nghề, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động... đạt kết quả tích cực.

2.3.4. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

Giai đoạn 2021 – 2022, dịch Covid-19 xảy ra và bùng phát trên phạm vi toàn quốc, tỉnh đã tổ chức triển khai các kế hoạch, phương án đảm bảo hoàn thành tốt các mục tiêu đảm bảo “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19” với tinh thần đặt sự an toàn, sức khỏe, tính mạng của nhân dân lên trên hết. Chủ động và quyết liệt triển khai các giải pháp đề ứng phó với diễn biến của dịch bệnh Covid-19 theo các cấp độ và từng thời điểm, giai đoạn khác nhau; tăng cường kiểm tra, giám sát trong cộng đồng để phát hiện sớm trường hợp nghi nhiễm bệnh để kịp thời khoanh vùng, bao vây, dập dịch theo phương châm “4 tại chỗ”; cung ứng kịp thời, đầy đủ khẩu trang, dung dịch sát khuẩn, vật tư, hóa chất, trang phục bảo hộ cá nhân,... để phòng, chống dịch; tổ chức tốt chiến dịch tiêm chủng vắc xin; tổ chức đón hơn 4.500 người dân bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 từ các tỉnh phía Nam trở về lại tỉnh an toàn...

Đến nay, đã có 7/11 huyện, thị xã, thành phố được công nhận loại trừ bệnh sốt rét. Nhiều chỉ số y tế - sức khỏe người dân của tỉnh hiện nay đạt được kết quả tốt hơn mức bình quân chung của toàn quốc: Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế tính đến 06 tháng đầu năm 2023 đạt 95,22%; Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc đạt 100%; Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ước đạt 7,25%, suy dinh dưỡng thể thấp còi ước đạt 10,8%; Tỷ số tử vong mẹ ước đạt 15,0/100.000 trẻ đẻ sống; Tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi ước đạt 11,0‰; Tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi ước đạt 17,0‰; Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ thực phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm đạt trên 95,0%; Bình Định là 1/9 tỉnh, thành phố đã đạt và duy trì mức sinh thay thế từ năm 2019 đến nay; chuyển hướng chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang giải quyết toàn diện về các vấn đề dân số bao gồm quy mô, cơ cấu, nâng cao chất lượng dân số, cân bằng tỷ lệ giới tính khi sinh.

Tổ chức mạng lưới y tế của tỉnh từng bước được củng cố, kiện toàn theo các quy định, hướng dẫn của cấp trên; góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả trên các lĩnh vực công tác của ngành Y tế.

Các cơ sở y tế được đầu tư kinh phí từ nhiều nguồn vốn hợp pháp để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới ngày càng khang trang; các trang thiết bị y tế chuyên dùng đặc thù và trang thiết bị chuyên dùng khác tiếp tục được mua sắm bổ sung theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật, năng lực sử dụng của từng đơn vị đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Hàng năm thực hiện rà soát và điều chỉnh tăng số giường bệnh kế hoạch của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thuộc tỉnh quản lý; đến nay số giường bệnh kế hoạch của toàn tỉnh: 5.395 giường (*đạt 35,8 giường/vạn dân*). Có 04 bệnh viện ngoài công lập, với tổng số giường bệnh 457 giường, trong đó có 02 bệnh viện mới thành lập²¹.

Thực hiện tốt chính sách ưu đãi, thu hút bác sĩ, dược sĩ đại học của tỉnh và đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực của ngành Y tế đã góp phần phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực y tế. Đến tháng 6/2023, số nhân lực y tế thuộc tỉnh quản lý: 6.083 người, đạt 40,4 người/vạn dân; trong đó nhân lực chuyên ngành y và dược có trình độ sau đại học: 537 người (*tiền sĩ: 07, chuyên khoa cấp II: 131, chuyên khoa cấp I: 355, thạc sĩ: 44*). Tổng số bác sĩ toàn tỉnh hiện có: 1.292 người, đạt 8,6 bác sĩ/ vạn dân.

2.3.5. Phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

Trong thời gian qua, công tác bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hoá, di tích cách mạng được quan tâm đầu tư. Tiếp tục gìn giữ và phát huy nghệ thuật Bài Chòi Trung bộ Việt Nam đã được UNESCO ghi danh - di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số, các bộ môn nghệ thuật truyền thống, võ cổ truyền... được quan tâm. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” từng bước đi vào chiều sâu. Tổ chức thành công nhiều Chương trình nghệ thuật, lễ kỷ niệm, tuyên truyền các sự kiện chính trị lớn của đất nước, của tỉnh²². Các lễ hội truyền thống, thể dục thể thao quần chúng được

²¹ Bệnh viện đa khoa Thu Phúc và Bệnh viện Mắt Sài Gòn – Quy Nhơn, 57 giường bệnh

duy trì tổ chức với nhiều nội dung phong phú, hấp dẫn. Công tác xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu phố văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được nâng cao chất lượng; Trong năm 2022, Chính phủ đã đồng ý giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai lập hồ sơ trình UNESCO công nhận Võ cổ truyền Bình Định là di sản văn hóa phi vật thể, hiện nay tỉnh đang phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xây dựng hồ sơ trình UNESCO. Chỉ số phát triển con người tỉnh Bình Định không ngừng được nâng cao qua các năm, năm 2022 ước đạt 0,72²³.

2.3.6. Đảm bảo Quốc phòng, an ninh, chính trị - xã hội

Công tác quốc phòng an ninh luôn được đảm bảo, công tác huấn luyện quân sự, giáo dục quốc phòng và xây dựng lực lượng tiếp tục triển khai theo kế hoạch. Nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, thể trận biên phòng toàn dân ngày càng được củng cố, tăng cường; kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh. Công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Chất lượng tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu của các đơn vị lực lượng vũ trang được nâng lên. Giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu được giao; tham gia bảo vệ an toàn các ngày Lễ lớn của tỉnh và của đất nước, tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh. Các lực lượng chức năng đã chủ động nắm bắt tình hình, phát hiện, xử lý kịp thời nhiều vụ việc liên quan đến an ninh chính trị. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được tăng cường; đã tổ chức nhiều đợt cao điểm ra quân tấn công, trấn áp các loại tội phạm, băng nhóm và phòng chống tệ nạn xã hội tương đối có hiệu quả, phòng cháy chữa cháy và kiểm chế tai nạn giao thông.

2.4. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế

Thời gian qua, mặc dù bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng công tác đối ngoại, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế đã tổ chức triển khai thực hiện được nhiều nội dung công việc khá quan trọng và có ý nghĩa. Để hoàn thiện thể chế đầy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, tỉnh đã ban hành (1) Quyết định Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 04/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng hiệu lực và hiệu quả hơn; (2) Kế hoạch triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh giai đoạn 2018 - 2020; (3) Kế hoạch thực hiện định đôi tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) trên địa bàn tỉnh; (4) Kế hoạch thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) của tỉnh; (5) Kế hoạch Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) trên địa bàn tỉnh; (6) Quy chế tổ chức, hoạt động Ban Chỉ đạo thực hiện Hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh và Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo...

Hợp tác với Lào (04 tỉnh Nam Lào: Attapu, Champasak, Salavan, Sekong) được chú trọng²⁴, xuất bản hàng nghìn bản đồ du lịch, ấn phẩm truyền thông để phục vụ tuyên

²³ Năm 2018 đạt 0,68; năm 2019 đạt 0,69; năm 2020 đạt 0,70; năm 2021 đạt 0,71.

²⁴ Tỉnh đã hỗ trợ kinh phí phòng, chống Covid-19 cho 4 tỉnh Nam Lào (mỗi tỉnh 200 triệu đồng), tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho các sinh viên Lào học tập tại tỉnh; tỉnh còn quan tâm hỗ trợ các tỉnh Nam Lào đào tạo phát triển nguồn nhân lực với bình quân mỗi

truyền, quảng bá tiềm năng, lợi thế vị trí địa lý, tập quán sinh hoạt của mỗi bên nhằm phục vụ thúc đẩy phát triển du lịch theo thỏa thuận đã ký kết. Tỉnh đã tổ chức các hoạt động kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào (05/9/1962-05/9/2022) và 45 năm ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào (18/7/1977-18/7/2022). Tổ chức Hội nghị ký kết hợp tác giai đoạn 2021 - 2025 giữa UBND tỉnh và chính quyền 04 tỉnh Nam Lào từ ngày 28-31/3/2023 với sự tham gia của gần 250 đại biểu của 05 tỉnh.

Hợp tác với Nhật Bản: UBND tỉnh đón tiếp Đoàn công tác của thành phố Izumisano sang thăm và giao lưu hữu nghị từ ngày 27-29/3/2023 tại tỉnh; tổ chức Đoàn công tác của tỉnh sang thăm và làm việc tại Nhật Bản nhân kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản; thực hiện các thủ tục liên quan để tiếp nhận nhân viên phái cử của thành phố Izumisano đến làm việc tại tỉnh; ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giữa UBND huyện Vĩnh Thạnh với thị trấn Yoshino, tỉnh Nara. Ngày 07/7/2023, nhân kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản (21/9/1973 - 21/9/2023) UBND tỉnh đã tổ chức sự kiện “Gặp gỡ Bình Định - Nhật Bản 2023”.

Hợp tác với Hàn Quốc: Ký kết hợp tác với các cơ quan Xúc tiến đầu tư và Thương mại Hàn Quốc tại Việt Nam (KOTRA Hồ Chí Minh), xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa tỉnh Bình Định và thành phố Incheon (Hàn Quốc); tổ chức thành công sự kiện “Gặp gỡ Hàn Quốc năm 2022” vào ngày 12-13/5/2022. UBND tỉnh cho phép UBND thành phố Quy Nhơn tiếp nhận 01 giáo viên Viện Ngôn ngữ Sejong, Hàn Quốc đến công tác từ tháng 02/2023.

Hợp tác với Đức: Tỉnh tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp Đức tại tỉnh; ký Biên bản ghi nhớ hợp tác với Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức tại Việt Nam (AHK); tổ chức đoàn công tác tỉnh đi xúc tiến đầu tư tại CHLB Đức từ ngày 15-22/4/2023; tham gia diễn đàn ASEAN 2023 tại Hannover Messe do IHK và AHK tổ chức.

Các đoàn khách ngoại giao, khách quốc tế đến tỉnh thăm đều được đón tiếp chu đáo, trọng thị; công tác theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện các dự án, phi dự án phi Chính phủ nước ngoài và nội dung nhiệm vụ đã ký kết hợp tác với các địa phương, đối tác nước ngoài được chú ý quan tâm. Công tác ký kết thỏa thuận quốc tế thường xuyên theo dõi, đôn đốc thực hiện. Trong 06 tháng đầu năm 2023, tỉnh đã tiếp nhận 03 dự án, phi dự án mới, với tổng giá trị cam kết 172.363 USD²⁵.

Công tác văn hóa đối ngoại luôn được quan tâm đẩy mạnh. Công tác thông tin đối ngoại luôn được quan tâm đẩy mạnh nhằm giới thiệu, quảng bá tiềm năng, thế mạnh, cơ hội hợp tác đầu tư, xúc tiến thương mại, du lịch và các thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh đến các đối tác trong và ngoài nước phục vụ thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội.

đăng trên địa bàn tỉnh với mức từ 1.800.000 đến 2.000.000 đồng/người/tháng.

²⁵ Lũy kế đến ngày 30/5/2023, toàn tỉnh đã tiếp nhận và triển khai 17 dự án, phi dự án với tổng giá trị cam kết 6.493.064 USD thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục; giải quyết các vấn đề xã hội, biến đổi khí hậu, nông nghiệp. Tất cả các khoản viện trợ được triển khai bởi 13 tổ chức phi Chính phủ nước ngoài bao gồm

2.5. Nâng cao năng lực thực hiện thể chế kinh tế của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tỉnh chỉ đạo các ban, sở ngành và địa phương thường xuyên nắm bắt tình hình giá cả thị trường; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật, qua đó kịp thời xử lý nghiêm tổ chức, các nhân có hành vi vi phạm, lợi dụng thời gian cao điểm để tăng giá tùy tiện trái pháp luật hoặc tăng giá..., không có hiện tượng đầu cơ, găm hàng gây bất ổn thị trường nhằm tạo điều kiện hàng hóa lưu thông ổn định, bảo vệ lợi ích chính đáng cho nhà sản xuất và quyền lợi của người tiêu dùng.

Trong giai đoạn 2017 - 2023, tỉnh đã chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra: (1) Vệ sinh an toàn thực phẩm: đối với 419 lượt cơ sở trên địa bàn tỉnh, xử phạt vi phạm hành chính 19 cơ sở, tổng số tiền phạt: 97 triệu đồng; (2) Hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với 43 lượt đơn vị hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh; (3) Việc chấp hành quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu, đối với 205 lượt đơn vị hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh; (4) Việc chấp hành quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng đối với 72 đơn vị; (5) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả 27 lượt đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh; (6) Thực hiện quy hoạch, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định tại 03 cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; (7) Việc chấp hành pháp luật về đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại 06 đơn vị; (8) Việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực điện, an toàn điện đối với 07 đơn vị hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh; (9) Việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về an toàn hóa chất đối với 01 đơn vị có sử dụng hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; (10) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực và trình cấp có thẩm quyền ra quyết định xử phạt đối với 13 cá nhân và tổ chức với tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 437,5 triệu đồng.

Việc thực hiện đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập được quan tâm. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 721 đơn vị sự nghiệp công lập, giảm 152 đơn vị (tỷ lệ 17,41%) so với năm 2015, đạt mục tiêu đề ra theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”. Tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2017 là 29.725 người, đến năm 2023 còn 25.938 người. Như vậy từ năm 2017 đến nay, tỉnh đã giảm 3.787 người/25.938 người (tỷ lệ 14%). Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã có nhiều đổi mới. Các đơn vị sự nghiệp công lập đã chủ động sử dụng tài sản, nhân lực, nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước giao để thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả nhằm phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công... Tính đến ngày 15/8/2023, có 100% đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh

đã được giao tự chủ tài chính (721/721 đơn vị)²⁶. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 về việc phê duyệt kế hoạch, lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2020, năm 2021 - 2025 và giai đoạn năm 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp, trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác dân vận trong tình hình mới, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đề ra nhiều giải pháp đổi mới, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tập trung giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến quyền lợi thiết thực của người dân trên địa bàn. Vai trò làm chủ của nhân dân ngày càng được phát huy tốt hơn thông qua việc lấy ý kiến đóng góp của nhân dân trước khi xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân được kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện của chính quyền. Các cấp chính quyền, cơ quan, đơn vị cũng thực hiện nghiêm công tác tiếp công dân, đối thoại trực tiếp theo quy định để kịp thời giải quyết các nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của công dân; thường xuyên theo dõi, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, ý kiến, kiến nghị của Nhân dân để kịp thời giải thích, tiếp thu những ý kiến đóng góp để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Chủ động phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tham gia thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

III. Đánh giá chung

3.1. Kết quả

Nhìn chung, kể từ khi Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được ban hành đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các Đảng bộ trực thuộc tỉnh đã có sự chỉ đạo nghiêm túc, chặt chẽ đối với cả hệ thống chính trị, xác định việc tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị của tỉnh, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền. Qua đó, kinh tế tỉnh đã phục hồi và tăng trưởng, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp, đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu phát triển; hoạt động văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện; quốc phòng được tăng cường, an ninh chính trị ổn định; hệ thống chính trị được củng cố. Đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

²⁶ Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi hoạt động thường xuyên (nhóm 4): 486 đơn vị. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên (nhóm 3): 192 đơn vị. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên (nhóm 2): 35 đơn vị. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và đầu tư (nhóm 1): 8 đơn vị.

3.2. Tồn tại, hạn chế

- Những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế thế giới; lạm phát tăng cao làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất, xuất, nhập khẩu của tỉnh.

- Thị trường đầu ra của sản phẩm nông nghiệp nói chung, sản phẩm chăn nuôi nói riêng gặp nhiều khó khăn, giá cả không ổn định. Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông, lâm, thủy sản còn hạn chế. Việc tái đàn vật nuôi, gia súc, gia cầm vẫn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát dịch bệnh. Tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật và tàu cá vi phạm lãnh hải nước ngoài vẫn còn xảy ra.

- Các doanh nghiệp du lịch đa số chưa thiết lập được hệ thống văn phòng đại diện tại các trung tâm lớn như Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Nguyên... nhằm quảng bá du lịch Bình Định và tạo thành các đầu mối kết nối khách để chủ động thu hút khách du lịch.

- Công tác quản lý và nhận thức về bảo vệ môi trường tại một số địa phương, đơn vị chưa được chú trọng đúng mức. Các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa kịp thời và đầy đủ ở một số khu vực, nhất là hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, xử lý rác thải tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề,... dẫn đến một số khu vực còn xảy ra tình trạng ô nhiễm kéo dài, chưa được giải quyết dứt điểm.

- Hoạt động nghiên cứu ứng dụng chưa mang tính đột phá, chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và đời sống. Số lượng các đề tài, dự án có quy mô lớn, có tác động đột phá đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh chưa nhiều. Năng lực công nghệ còn hạn chế.

- Các thành phần kinh tế tư nhân trong lĩnh vực y tế - dân số (bệnh viện, phòng khám đa khoa và các dịch vụ y tế khác) đã có sự phát triển về số lượng nhưng quy mô còn nhỏ, khả năng hội nhập và cạnh tranh chưa cao; số giường bệnh kế hoạch ngoài công lập còn ở mức thấp (3,0 giường/ vạn dân). Giữa bảo hiểm y tế xã hội với bảo hiểm y tế thương mại chưa có sự liên kết, hợp tác để cung cấp và mở rộng dịch vụ bảo hiểm phục vụ nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

- Hiệu quả việc khai thác cũng như tiếp cận các dịch vụ pháp lý của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa cao.

- Khả năng cạnh tranh, chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh còn nhiều hạn chế, chưa đồng đều. Đội ngũ nhân lực chất lượng cao thiếu hụt nghiêm trọng, đặc biệt trong một số lĩnh vực đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu như y tế, pháp luật, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin,...

3.3. Nguyên nhân

3.3.1. Về khách quan

Trước tình hình đại dịch Covid-19, cuộc xung đột Nga – Ucraina xảy ra bất ngờ cũng đã làm chậm quá trình phục hồi của nền kinh tế thế giới, gây đứt gãy chuỗi cung ứng, gia tăng thách thức về an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu, làm sâu sắc, phức tạp thêm vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống. Bên cạnh đó, tình trạng lạm phát cao trong quá trình chống dịch, tăng trưởng kinh tế thấp, chính sách tiền

tệ thất chặt, lãi suất tăng cao và nhanh tại Mỹ, châu Âu, nhiều nền kinh tế lớn²⁷, đã tác động mạnh đến giá cả, thị trường nhất là giá nguyên, nhiên vật liệu tăng cao... làm ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất, đời sống, sinh kế của nhân dân và việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

- Xuất phát điểm của nền kinh tế còn thấp, chính vì vậy mức đầu tư cho một số ngành, lĩnh vực còn hạn chế, hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô vừa và nhỏ, vốn ít, quản trị yếu, hiệu quả kinh doanh chưa cao, chưa có doanh nghiệp lớn làm đầu tàu, động lực để tạo bước đột phá nhằm thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển nhanh.

- Thiên tai hạn hán, lũ lụt thường xuyên đe dọa; những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên đã gây bất lợi đến sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân.

- Giá của một số nông sản giảm và khó tiêu thụ, trong khi giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, như: phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, xăng, dầu,... ảnh hưởng rất lớn đến phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Các doanh nghiệp du lịch phần lớn là doanh nghiệp nhỏ, chưa đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ du lịch, chủ yếu tập trung vào loại hình lưu trú.

- Nguồn lực đầu tư triển khai các nhiệm vụ liên quan phục vụ công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường còn hạn chế, chưa đảm bảo. Công tác xã hội hóa về lĩnh vực tài nguyên và môi trường còn gặp nhiều khó khăn.

- Hầu hết các doanh nghiệp trong tỉnh quy mô còn nhỏ, thiết bị công nghệ còn lạc hậu, còn ít những cơ sở công nghiệp và dịch vụ lớn tạo đòn bẩy để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế. Hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ tại một số doanh nghiệp đã được chú trọng và bước đầu mang lại hiệu quả, tuy nhiên tỷ lệ doanh nghiệp trong tỉnh đầu tư kinh phí cho nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ còn thấp.

- Vai trò chủ đạo và tạo động lực phát triển thị trường dịch vụ y tế của các đơn vị y tế công lập chưa cao; vì còn có những hạn chế về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực có trình độ cao,... Nhà nước chưa triển khai việc đa dạng các gói bảo hiểm y tế.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn ít về số lượng, chưa thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức pháp luật và kỹ năng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Ngoài ra, đội ngũ Luật sư và các chuyên gia tư vấn pháp luật còn ít, chưa tổ chức được đội ngũ cộng tác viên tư vấn pháp luật riêng trong lĩnh vực này.

3.3.2. Về chủ quan

- Công tác dự đoán, dự báo tình hình còn hạn chế, chưa sát thực tế; một số sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ; chỉ đạo xử lý một số vấn đề tồn tại, hạn chế chưa kịp thời, thiếu tập trung, kiên quyết. Sự phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương chưa thường xuyên, hiệu quả.

²⁷ Giá hàng hóa và lạm phát quốc tế tăng lên mức cao nhất trong vòng 40 năm trở lại đây tại các nền kinh tế phát triển, trên 80 quốc gia đối mặt với lạm phát hai con số.

Tinh thần trách nhiệm, trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu...

- Một số nghề đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu phát triển của địa phương; chất lượng đào tạo nghề chưa được nâng cao. Việc xây dựng cơ chế, chính sách để tạo sự liên kết giữa cơ sở đào tạo với người sử dụng lao động, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu của thị trường lao động, đến nay chưa triển khai thực hiện.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương:

1. Xây dựng và hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về các vụ việc và vướng mắc pháp lý, bởi đây là nguồn dữ liệu rất quan trọng, có ý nghĩa to lớn không chỉ với hoạt động hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa với hoạt động của nghề luật sư, hoạt động trợ giúp pháp lý, hoạt động xét xử, giảng dạy và nghiên cứu khoa học pháp lý.

2. Tăng cường công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho mạng lưới tư vấn viên pháp luật cấp tỉnh; trong đó, cần tập trung vào các chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp với nội dung là các lĩnh vực pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Công khai, minh bạch về đất đai và thị trường bất động sản; xác định giá thị trường thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đồng thời xây dựng khung giá đất để thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cũng đảm bảo phù hợp với thị trường. Các loại dịch vụ như: cấp nước, thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn,... xã hội làm tốt hơn Nhà nước, cần phát huy, tạo cơ chế, chính sách để thu hút nguồn lực, kinh nghiệm quản lý từ tư nhân theo cơ chế thị trường. Nhà nước chỉ quản lý về quy hoạch, kế hoạch để định hướng phát triển đúng hướng. Các định mức, chi phí, giá xây dựng do thị trường quyết định, Nhà nước chỉ định hướng, kiểm soát nhằm đảm bảo thị trường minh bạch chứ không quyết định để mọi thành phần kinh tế, nguồn vốn phải áp dụng. Cần phát huy, tạo cơ chế, chính sách để thu hút nguồn lực, kinh nghiệm quản lý từ tư nhân theo cơ chế thị trường. Nhà nước chỉ quản lý về quy hoạch, kế hoạch để định hướng phát triển đúng hướng.

4. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp luật về các cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ. Sớm ban hành hướng dẫn việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để thúc đẩy ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ quan tâm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân của tỉnh Bình Định tham gia chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 ban hành tại Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Chính phủ.

6. Xây dựng lộ trình quy hoạch và có chính sách ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đảm bảo đủ điều kiện đào tạo nghề cho doanh nghiệp; Hỗ trợ cho tỉnh trong việc thu hút các dự án FDI, ODA

nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp đặc biệt là các dự án công nghiệp trọng điểm liên quan trực tiếp đến việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

7. Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể đối tượng “*Người lao động có thu nhập thấp*” để địa phương sớm triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo các Chương trình mục tiêu Quốc gia.

Trên đây là Báo cáo Sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Nguyễn Tuấn Thanh;
- Các Sở: KHĐT, TC;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh